

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 40/2018/KDTM-PT

Ngày 18-12-2018

V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hữu Xuân.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhân;
Ông Nguyễn Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 09/2017/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc “tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2017/QĐ-PT ngày 26/10/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng B;

Địa chỉ: Số 197, đường C, phường C1, C2, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thu B1, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn B2, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Số 15, đường C, phường C1, C2, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông D là Luật sư của Công ty Luật D1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: Số 15, đường C, phường C1, C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty TNHH Sơn E;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp E1, xã E2, huyện E3, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ liên hệ: Số 47, đường E4, quận E5, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông F, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Minh F1, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Số 593, đường F2, phường F3, quận E5, Thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH May mặc và giặt G (tên cũ: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại G);

Địa chỉ: Số 17, Khu công nghiệp G2, phường A, thị xã A, tỉnh Bình Dương

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Đức G3, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc.

- *Người làm chứng:* Ông Lê Khắc H, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Số 8D, đường H1, Phường H2, quận H3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH Sơn E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/11/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn B2 trình bày:

Ngày 22/10/2015, Công ty Cổ phần Xây dựng B (sau đây gọi tắt là Công ty B) ký Hợp đồng thầu phụ số 01-2015 với Công ty TNHH Sơn E (sau đây gọi tắt là Công ty E). Theo đó, Công ty B sẽ thực hiện công việc thi công và cung cấp sơn trang trí công trình dự án nhà máy Công ty TNHH Sản xuất Thương mại G (sau đây viết tắt là Công ty G) tại địa chỉ: Đường số 17, Khu công nghiệp G2, thị xã A, tỉnh Bình Dương, hạng mục công việc: Thi công và cung cấp sơn trang trí, giá trị hợp đồng tạm tính 1.489.000.000 đồng. Tháng 01 năm 2016, Công ty B đã thực hiện xong hạng mục sơn trang trí xưởng may và tiến hành đo đạc, nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện. Theo kết quả đo đạc thì khối lượng công việc thực tế phát sinh thêm là 8.610,538m² tương ứng với số tiền 252.005.142 đồng. Phần khối lượng phát sinh này được đại diện đơn vị tư vấn giám sát công trình xác nhận vào ngày 25/01/2016.

Theo quy định tại khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng thầu phụ số 01-2015 thì tổng giá trị hợp đồng dựa trên đo lường thực tế tại công trường. Như vậy tổng giá trị hợp đồng là: (867.461.000 đồng + 252.005.142 đồng) x 10% (VAT) = 1.231.407.100 đồng.

Công ty E mới chỉ thanh toán được 860.476.000 đồng, còn lại 370.931.100 đồng chưa thanh toán. Mặc dù Công ty B đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu trả số tiền còn lại nhưng Công ty E luôn tìm cách để kéo dài việc ký xác nhận khối

lượng công việc thực tế, biên bản đối chiếu công nợ để trì hoãn nghĩa vụ thanh toán.

Nay, Công ty B khởi kiện yêu cầu Công ty E phải thanh toán số tiền 875.808.011 đồng, gồm các khoản sau:

- Tiền nợ gốc: 370.931.100 đồng;
- Tiền phạt do chậm thanh toán: $1.231.407.100 \times 0,1\% \times 410 \text{ ngày} = 504.876.911 \text{ đồng}$.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty E về việc buộc Công ty B phải bồi thường 30% giá trị hợp đồng do vi phạm tiến độ, thi công cầu thả dẫn đến hư hao tài sản của chủ đầu tư và bồi thường danh dự, uy tín bị thiệt hại với tổng số tiền 646.700.000 đồng, Công ty B không đồng ý. Yêu cầu này là không có căn cứ do bị đơn là người vi phạm hợp đồng, đồng thời căn cứ vào các văn bản trả lời của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty G thì đến thời điểm hiện nay Công ty G chưa có bất kỳ khoản phạt nào đối với Công ty E và không có căn cứ xác định uy tín, danh dự của bị đơn bị thiệt hại.

* Tại các bản tự khai ngày 09/02/2016 và ngày 11/5/2017, đơn phản tố ngày 09/02/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện bị đơn là bà Nguyễn Hồng Cẩm Thy trình bày:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Hiện nay, bị đơn có đăng ký trụ sở tại Khu công nghiệp E1, xã E2, huyện E3, tỉnh Hưng Yên nên đề nghị Tòa án chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện E3, tỉnh Hưng Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Bị đơn thống nhất với phần trình bày của đại diện nguyên đơn về việc Công ty B đã ký Hợp đồng thầu phụ số 01-2015 với Công ty E để thực hiện công việc thi công và cung cấp sơn trang trí công trình dự án nhà máy Công ty TNHH Sản xuất Thương mại G tại địa chỉ: Đường số 17, khu công nghiệp G2, thị xã A, tỉnh Bình Dương. Tổng giá trị hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và bị đơn theo Hợp đồng số 01-2015 ngày 12/10/2015 là 1.489.000.000 đồng. Ngày 30/01/2016, giữa chủ đầu tư và bị đơn có ký Phụ lục Hợp đồng phát sinh số 01PLPS-2016 về việc chủ đầu tư đồng ý để bị đơn thi công thêm phần khối lượng phát sinh thực tế so với khối lượng ký kết ban đầu là $8.610,538\text{m}^2$ với tổng giá trị là 549.586.164 đồng. Bị đơn đã thực hiện xong khối lượng công việc phát sinh này thông qua người thực hiện là Công ty B đồng thời chủ đầu tư cũng đã xác nhận tại Bảng tổng khối lượng sơn nước nội – ngoại thất nhà xưởng Bình Dương ngày 25/01/2016. Thực hiện hợp đồng bị đơn đã tạm ứng cho nguyên đơn 04 đợt theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng thầu phụ 01-2015 với tổng số tiền là 866.476.000 đồng.

Tuy nhiên, quá trình thi công thì Công ty B đã không tuân thủ đúng các điều khoản đã được các bên ký kết trong hợp đồng như thực hiện bị trễ tiến độ, thi công cầu thả... dẫn đến hư hao tài sản của chủ đầu tư. Vì những lỗi trên của

nguyên đơn nên tại biên bản làm việc ngày 11/8/2016 chủ đầu tư đã quyết định phạt bị đơn 30% tổng giá trị hợp đồng nhưng chưa nói số tiền cụ thể. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn chỉ đồng ý khi hội đủ các điều kiện sau:

- + Có bản nghiệm thu khối lượng thực tế được ký xác nhận bởi người có thẩm quyền của hai công ty về khối lượng phát sinh trên;

- + Có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của bị đơn xác nhận bằng văn bản về việc các công trình do nguyên đơn thực hiện đã đảm bảo đúng chất lượng và tiến độ;

Ngoài ra, việc nguyên đơn thi công không đảm bảo tiến độ và chất lượng nêu trên còn làm thiệt hại đến uy tín của bị đơn và chủ đầu tư nên chủ đầu tư chưa thanh toán cho bị đơn phần phát sinh này đồng thời còn phạt bị đơn 30% giá trị hợp đồng vì lý do trên. Vì vậy, bị đơn có yêu cầu phản tố về việc buộc Công ty B phải bồi thường 30% giá trị hợp đồng do vi phạm tiến độ, thi công cầu thả dẫn đến hư hao tài sản của chủ đầu tư và bồi thường danh dự, uy tín bị thiệt hại tổng số tiền là 646.700.000 đồng.

* Tại Bản tự khai ngày 13/02/2017, Bản tường trình ngày 15/4/2017 và Bản tường trình ngày 29/6/2017, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH May mặc và Giặt G là ông Bùi Đức G3 trình bày:

Ngày 12/10/2015, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại G (nay là Công ty May mặc và Giặt G) có ký Hợp đồng thầu số OVC -01-2015-001 với Công ty E, theo đó Công ty G với tư cách là chủ đầu tư đồng ý giao cho Công ty E thi công gói thầu: Thi công sơn toàn bộ Nhà máy của Công ty G tại địa chỉ: Đường số 17, Khu công nghiệp G2, thị xã A, tỉnh Bình Dương. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty G đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ như đã giao kết trong hợp đồng và Công ty E cũng tiến hành thực hiện các hạng mục công việc và khối lượng công trình phát sinh đúng theo bảng tổng hợp khối lượng sơn nước đã được tư vấn giám sát xác nhận ngày 25/01/2016. Trong các điều khoản thỏa thuận của hợp đồng đã ký, không có bất kỳ điều khoản nào cho phép hay thể hiện việc Công ty E được phép giao thầu cho bên thứ 03 bất kỳ thực hiện các công việc theo hợp đồng nếu không có sự cho phép bằng văn bản của chủ đầu tư – Công ty G. Hơn nữa, trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty E luôn khẳng định và thể hiện họ chính là người trực tiếp thi công tất cả các hạng mục đã ký (Ban quản lý dự án, các thành viên, nhân công... đều thể hiện là người của Công ty E) nên việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn không liên quan đến Công ty G.

Dựa trên hiện trạng thực tế thi công công trình không đảm bảo chất lượng của nhiều hạng mục với những vi phạm không thể khắc phục được cũng như thực hiện chậm tiến độ thi công nên các bên gồm đơn vị tư vấn giám sát, nhà thầu và chủ đầu tư đã thống nhất trừ 30% tổng giá trị quyết toán của khối lượng thực tế nhà thầu thi công. Tuy nhiên, do giữa hai công ty còn nhiều vấn đề

phát sinh chưa được giải quyết trong và ngoài hợp đồng nên hai bên chưa thanh lý và Công ty G chưa tổng kết để thanh toán cho Công ty E. Đồng thời, từ khi nhà máy của Công ty G đi vào hoạt động thì nhiều hạng mục của công trình đã được Công ty sửa chữa, thay thế do đó nếu có việc thẩm định thì cũng không đảm bảo cơ sở khách quan, chính xác nên Công ty G từ chối việc xem xét, thẩm định đối với công trình do Công ty E thực hiện.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng ông Lê Khắc Nghĩa trình bày:

Từ tháng 10/2015 đến tháng 6/2016, ông H được Công ty cử làm nhân viên giám sát tại công trình nhà máy của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại G tại đường số 17, Khu công nghiệp G2, thị xã A, tỉnh Bình Dương. Nhiệm vụ là giám sát tiến độ thực hiện công trình và quản lý nhân công. Trong quá trình thi công thì Công ty B vẫn bàn giao công trình đúng thời hạn theo thỏa thuận hợp đồng đã ký kết. Đối với phần việc phát sinh thì hai bên chỉ thỏa thuận miệng dựa trên những điều khoản đã ký kết trong hợp đồng chính chứ không ký hợp đồng mới. Căn cứ vào hợp đồng đã ký thì Công ty B thực hiện việc sơn nội – ngoại thất của xưởng chính và các hạng mục phụ của nhà máy G. Tuy nhiên, trên thực tế thi công thì các hạng mục của công trình đều phát sinh khối lượng nhưng Công ty B vẫn đảm bảo thời gian và chất lượng thi công.

Ông Nghĩa thừa nhận trong quá trình thi công có đề xảy ra tình trạng sơn dính xuống nền, tường nhà và một số cửa kính. Sau khi nhận được phản hồi của đại diện của Công ty E thì Công ty B hoàn tất thi công theo yêu cầu. Tuy nhiên, sau khi Công ty B đã làm xong những công việc theo yêu cầu của đại diện Công ty E và yêu cầu xuống kiểm tra, nghiệm thu nhưng không ai xuống đồng thời Công ty G đã đưa công trình vào sử dụng nên không cho bất kỳ ai vào khu vực đó nữa.

Sau khi Công ty G đưa công trình vào sử dụng đến nay, Công ty B chưa nhận được bất kỳ yêu cầu nào về việc phải tiến hành sửa chữa, bảo hành đối với công trình trên.

Về đơn giá thi công thì trong hợp đồng đã ký giữa hai công ty chỉ thể hiện tổng giá trị hợp đồng và đơn giá thi công của từng hạng mục cụ thể căn cứ vào báo giá Công ty E và Công ty G. Đối với phần việc phát sinh thực tế so với hợp đồng thì Công ty B đã nghiệm thu trực tiếp với tư vấn giám sát do chủ đầu tư thuê. Thực tế từ trước đến nay, Công ty E chỉ đồng ý thanh toán cho Công ty B sau khi nhận được xác nhận khối lượng công việc tại công trình có chữ ký của tư vấn giám sát. Do đó, khối lượng phát sinh thêm là 8.610,538m² mà Công ty B đã thực hiện đã được tư vấn giám sát ký xác nhận và nghiệm thu trực tiếp nên giữa hai Công ty không tiến hành nghiệm thu nữa.

* Người bảo vệ quyền, lợi ích của nguyên đơn trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Thống nhất với trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về nội dung Hợp đồng thầu phụ số 01-2015 ngày 22/10/2015 được ký kết giữa Công ty B và Công ty E cũng như

phần khối lượng phát sinh thêm đã được đại diện chủ đầu tư xác nhận vào ngày 25/01/2016. Việc ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện bởi những chủ thể có tư cách pháp nhân độc lập. Giá trị hợp đồng tạm tính là 1.489.000.000 đồng gồm giá trị nhân công và giá trị vật liệu, trong đó giá trị nhân công tạm tính là 867.461.000 đồng. Tổng giá trị hợp đồng sẽ dựa trên việc đo lường thực tế tại công trường. Theo đó, tổng khối lượng công trình do nguyên đơn đã thi công hoàn thành thực tế là 39.349,46m², tăng 8.610,538m² so với khối lượng tạm tính ban đầu là 30.738,92m². Về khối lượng công trình phát sinh là 8.610,538m² đã được đại diện tư vấn giám sát công trình của chủ đầu tư Công ty G xác nhận và được chính chủ đầu tư tái xác nhận tại bản tường trình gửi Tòa án ngày 15/4/2017. Về đơn giá nhân công và giá trị hợp đồng đã được người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận. Về chất lượng công trình: Kể từ thời điểm nguyên đơn thực hiện xong nội dung hợp đồng và công trình hoàn thành toàn bộ, đưa vào sử dụng, chủ đầu tư không lập bất kỳ biên bản vi phạm nào đối với nguyên đơn đồng thời chưa từng buộc nguyên đơn ngừng thi công khắc phục hậu quả do vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn và bảo vệ môi trường. Tại biên bản làm việc ngày 21/3/2016 giữa đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn chỉ là biên bản hiện trường liệt kê những việc chưa làm và những việc đã làm để làm cơ sở cho việc nghiệm thu về sau không có nội dung hay kết luận về việc vi phạm hợp đồng. Về tiến độ thực hiện hợp đồng: Tại Điều 14 của Hợp đồng xác định thời hạn hợp đồng là từ tháng 11/2015 đến tháng 01/2016, công trình có khối lượng phát sinh thêm nhưng các bên không thực hiện thủ tục thỏa thuận lại thời hạn hợp đồng mà nguyên đơn vẫn tiếp tục thực hiện đến ngày 21/3/2016 và không ai có ý kiến gì. Việc bị đơn từ chối tiến hành nghiệm thu là hành vi vi phạm quy định tại mục 7.3 Điều 7 của hợp đồng nhằm trốn tránh nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Việc bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm điểm b mục 3.2 Điều 3 của hợp đồng nên phải chịu phạt theo nội dung thỏa thuận đã ký kết giữa hai bên. Từ những phân tích trên cho thấy quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã tuân thủ đúng nội dung của hợp đồng, không vi phạm về chất lượng, tiến độ công việc như ý kiến của đại diện bị đơn, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Như đã phân tích, nguyên đơn không vi phạm bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng, bị đơn không chứng minh được thiệt hại thực tế có xảy ra. Tại Điều 11 của hợp đồng có tiêu đề là: “Bồi thường thiệt hại” nhưng nội dung chính của điều này là phạt vi phạm, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

* Người bảo vệ quyền, lợi ích của bị đơn trình bày tại phiên tòa sơ thẩm:

Thống nhất với trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về nội dung Hợp đồng thầu phụ số 01-2015 ngày 22/10/2015 được ký kết giữa Công ty B và Công ty E. Trước khi ký hợp đồng thầu phụ trên thì vào ngày 12/10/2015, bị đơn và Công ty G đã ký Hợp đồng số 01-2015 về việc bị đơn nhận thầu toàn bộ thi công sơn tường cho chủ đầu tư. Theo đó, bị đơn đã giao toàn bộ việc thi công đã nhận thầu từ chủ đầu tư cho nguyên đơn bằng giá trị với

Hợp đồng số 01–2015 ngày 12/10/2015 và bị đơn chỉ hưởng lợi từ việc bán son cho nguyên đơn. Do đó, mặc dù chủ đầu tư không biết việc ký kết hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn nhưng nội dung thực hiện giữa các bên hoàn toàn có mối liên hệ với nhau. Về việc thực hiện hợp đồng: Theo Hợp đồng số 01–2015 ngày 12/10/2015 và Hợp đồng thầu phụ số 01-2015 ngày 22/10/2015 thì thời hạn hoàn thành công trình là tháng 01/2016.

Tuy nhiên, ngày 20/02/2016 chủ đầu tư đã có thông báo cho tất cả các nhà thầu (trong đó có bị đơn) phải hoàn thành công trình và bàn giao chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày 20/02/2016, như vậy chứng tỏ nguyên đơn không đảm bảo về tiến độ thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận. Về chất lượng: Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã vi phạm mục 5.2 Điều 5 của Hợp đồng về việc đảm bảo chất lượng, an toàn và vệ sinh môi trường, cụ thể tại biên bản làm việc ngày 21/3/2016 giữa đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn thể hiện nguyên đơn chưa đảm bảo về chất lượng và vệ sinh công trình. Đồng thời, vào ngày 11/8/2016 bị đơn đã bị chủ đầu tư buộc rời khỏi công trình và phạt 30% giá trị hợp đồng do thi công cầu thả, không che chắn dẫn đến hư hao thiết bị của chủ đầu tư và chậm tiến độ. Về khối lượng công việc phát sinh nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện: Giữa bị đơn và nguyên đơn chưa từng có bất kỳ xác nhận nào về khối lượng trên, việc đại diện đơn vị tư vấn giám sát xác nhận với nguyên đơn nhưng không có xác nhận của bị đơn là chưa phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị đơn về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Hiện nay, chủ đầu tư đã quyết định phạt bị đơn 30% giá trị hợp đồng (1.489.000.000 đồng) có liên quan đến lỗi do nguyên đơn gây ra khi vi phạm tiến độ và chất lượng thi công của dự án, tương đương với số tiền là 446.700.000 đồng. Đồng thời do những vi phạm nêu trên của nguyên đơn đã ảnh hưởng đến uy tín, danh dự kinh doanh của bị đơn bị giảm sút. Vì vậy, yêu cầu phản tố của bị đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH Sơn H1 có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng B số tiền 296.106.032 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 252.005.142 đồng, tiền phạt do chậm thanh toán là 44.100.890 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần xây dựng B về việc buộc Công ty TNHH Sơn H1 thanh toán tiền thuế VAT và tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán và thuế VAT với tổng số tiền là 579.701.797 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Sơn H1 về việc buộc Công ty Cổ phần xây dựng B bồi thường hợp đồng và danh dự, uy tín bị thiệt hại với tổng số tiền là 646.700.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 06/8/2017, bị đơn Công ty TNHH Sơn H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm; nguyên đơn, luật sư bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn, người làm chứng và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết đối với bản án bị kháng cáo:

Theo trình bày của các bên đương sự, các tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Quá trình thi công công trình giữa đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn đã lập biên bản về những công việc đã hoàn thành và những việc chưa làm vào ngày 21/3/2016 nhưng sau đó không có tài liệu nào để xác định những việc chưa làm đã được Công ty B thực hiện hay chưa. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện việc thu thập chứng cứ để làm rõ khối lượng công việc đã được Giải Pháp Xanh thực hiện, khối lượng công việc chưa thực hiện để có căn cứ xác định nghĩa vụ thanh toán của Công ty E đối với Công ty B là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

Theo Hợp đồng thầu phụ số 01 -2015 ngày 22/10/2015 ký kết giữa Công ty E và Công ty B thì Công ty E để Công ty B thi công công trình mà Công ty E nhận từ Công ty G theo Hợp đồng số 01 – 2015 ngày 12/10/2015. Như vậy, việc xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của Công ty G đối với Công ty E chính là căn cứ để xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của Công ty E đối với Công ty B. Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 34/2018/KDTM-PT ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án tranh chấp giữa Công ty TNHH Sơn H1 và Công ty TNHH May mặc và Giặt G đã quyết định hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Sơn E.

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Sơn E hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã triệu tập hợp lệ đối với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp

của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng các đương sự vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các bên đương sự thống nhất những nội dung sau đây:

Ngày 12/10/2015, giữa Công ty G với Công ty H1 ký kết với nhau Hợp đồng thầu số OVC-01-2015-001 để Công ty H1 thực hiện dự án sơn tường cho Công ty G, giá trị của hợp đồng là 1.637.900.000 đồng (đã bao gồm VAT), Công ty G đã thanh toán số tiền trên cho Công ty H1.

Ngày 30/01/2016, Công ty G tiếp tục ký với Công ty H1 phụ lục hợp đồng phát sinh để thi công tổng khối lượng phát sinh thực tế là 8.610,538m² có tổng giá trị 549.586.164 đồng, trong đó chi phí cho phần thi công khối lượng phát sinh thực tế là 529.208.140 đồng, chi phí cho phần nhân công sử dụng rào là 13.090.000 đồng, chi phí phát sinh cho màu đặc biệt là 1.288.024 đồng nhưng chưa thanh toán.

Công ty H1 ký Hợp đồng thầu phụ số 01-2015 với Công ty B để thi công và cung cấp sơn trang trí công trình dự án nhà máy Công ty G, giá trị hợp đồng tạm tính là 1.489.000.000 đồng. Công ty H1 đã thanh toán cho Công ty B số tiền 860.476.000 đồng.

Những nội dung các đương sự thống nhất là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Nội dung các bên tranh chấp: Công ty B yêu cầu Công ty H1 phải thanh toán số tiền nợ gốc: 370.931.100 đồng; tiền phạt do chậm thanh toán: $1.231.407.100 \times 0,1\% \times 410 \text{ ngày} = 504.876.911$ đồng. Tổng cộng: 875.808.011 đồng. Công ty H1 không đồng ý thanh toán số tiền nguyên đơn yêu cầu vì cho rằng Công ty B thi công không đảm bảo chất lượng dẫn đến việc chủ đầu tư là Công ty G phạt Công ty H1 30% giá trị hợp đồng ký kết giữa Công ty G với Công ty H1 nhưng chưa xác định giá trị cụ thể. Đồng thời, Công ty H1 có yêu cầu phản tố buộc Công ty B phải bồi thường 30% giá trị hợp đồng do vi phạm tiến độ, thi công cầu thả dẫn đến hư hao tài sản của chủ đầu tư và bồi thường danh dự, uy tín bị thiệt hại tổng số tiền là 646.700.000 đồng.

Xét nội dung tranh chấp với các hợp đồng đã ký kết giữa các bên thấy rằng:

[2.2.1] Hợp đồng giữa Công ty G với Công ty H1 là hợp đồng thầu chính, theo đó Công ty H1 thực hiện nội dung công việc là cung cấp sơn và thi công sơn cho Công ty G. Tuy nhiên, Công ty H1 chỉ cung cấp sơn, không trực tiếp thi công và Công ty H1 đã ký hợp đồng thầu phụ để Công ty B thực hiện thi công trực tiếp tại công trình của Công ty G. Theo điểm 1 khoản 2 Điều 113 Luật Xây dựng thì nhà thầu có nghĩa vụ: “Chịu trách nhiệm về chất lượng thi công xây dựng theo thiết kế, kể cả phần việc do nhà thầu phụ thực hiện (nếu có); nhà thầu phụ chịu trách nhiệm về chất lượng đối với phần việc do mình thực hiện trước

nhà thầu chính và trước pháp luật”. Như vậy, Công ty B chịu trách nhiệm đối với Công ty H1; Công ty H1 chịu trách nhiệm với Công ty G.

[2.2.2] Quá trình thực hiện thi công đối với hạng mục phát sinh, giữa Công ty B với Công ty H1 và giữa công ty H1 với Công ty G chưa ký biên bản nghiệm thu hoàn thành đối với các hạng mục thi công. Ngày 21/3/2016, giữa Công ty B và Công ty H1 đã lập Biên bản làm việc (Bút lục 109) xác định các hạng mục Công ty B đã hoàn thiện tại công trình và Biên bản hiện trường (Bút lục 110-111) xác định các công việc còn lại Công ty B chưa làm bao gồm phần vệ sinh công trình và dặm vá. Xét thấy: Biên bản làm việc (Bút lục 109) và Biên bản hiện trường (Bút lục 110-111) là hai biên bản được lập cùng ngày nhưng không có cơ sở để xác định Biên bản làm việc (Bút lục 110-111), hai bên không lập bất kỳ biên bản nào thể hiện việc Công ty B đã khắc phục phần thi công không đạt; đồng thời, đối chiếu các hạng mục được ghi nhận tại Biên bản làm việc (Bút lục 109) khác với các hạng mục được ghi nhận tại Biên bản hiện trường (Bút lục 110-111). Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện việc thu thập chứng cứ để làm rõ khối lượng công việc đã được Công ty B thực hiện, khối lượng công việc chưa thực hiện để có căn cứ xác định nghĩa vụ thanh toán của Công ty H1 đối với Công ty B là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[2.2.3] Ngoài ra, Công ty H1 còn khởi kiện Công ty G trong một vụ án khác yêu cầu Công ty G thanh toán cho Công ty E số tiền 549.586.164 đồng và tiền phạt do chậm thanh toán tính từ ngày 25/01/2016 đến ngày 30/4/2018 số tiền 166.936.797 đồng. Tổng số tiền Công ty H1 yêu cầu Công ty G thanh toán là 716.552.961 đồng. Công ty G không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H1. Đồng thời, Công ty G có yêu cầu phản tố về việc buộc Công ty H1, sau khi cản trừ số tiền phạt 30% của giá trị hợp đồng với giá trị thi công chưa thanh toán, Công ty H1 còn nợ Công ty G là 106.659.686 đồng và yêu cầu phạt hợp đồng, tổng số tiền Công ty G yêu cầu Công ty H1 thanh toán là 216.033.994 đồng.

[2.2.4] Do có mối liên hệ giữa nhà thầu chính, nhà thầu phụ với chủ đầu tư và được thụ lý thành hai vụ án: Công ty G yêu cầu phạt Công ty H1 do vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại (bằng 30% giá trị hợp đồng giữa Công ty G với Công ty E), Công ty H1 vừa yêu cầu Công ty G thanh toán giá trị thi công còn thiếu đồng thời vừa yêu cầu Công ty B phải cản trừ mức bồi thường do Công ty G đưa ra với giá trị thi công do Công ty B thi công; Công ty B yêu cầu Công ty H1 thanh toán giá trị đối với phần Công ty B đã thực hiện nhưng chưa được thanh toán. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu của các đương sự có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, giải quyết yêu cầu này là căn cứ để xem xét yêu cầu khác. Các yêu cầu của Công ty B, Công ty H1 và Công ty G có mối liên hệ với nhau nên cần được xem xét, giải quyết đồng thời với nhau thì mới có căn cứ giải quyết triệt để và toàn diện các quan hệ tranh chấp. Tuy nhiên, vụ án tranh chấp giữa Công ty H1 với Công ty G do Tòa án nhân dân thị xã A giải quyết sơ thẩm đã bị hủy bằng Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 34/2018/KDTM-PT ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, còn vụ án tranh chấp giữa Công ty B với Công ty H1, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ

tài liệu chứng cứ, đánh giá chứng cứ chưa toàn diện. Xét thấy, sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Về án phí phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên Công ty TNHH Sơn H1 không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Sơn H1: Hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Sơn H1 không phải nộp. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A hoàn trả cho Công ty TNHH Sơn H1 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009986 ngày 17/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã A;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa KT, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hữu Xuân

